

Bản án số: 33/2022/HS-ST
Ngày 12 – 8– 2022

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Diệu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Khải

Ông Huỳnh Minh Kha

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Trung Toàn – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Phương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 24/2022/TLST-HS ngày 02 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2022/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 7 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 163/2022/QĐSTHS ngày 26 tháng 7 năm 2022 đối với bị cáo:

Đặng Quốc D, sinh năm 1986; tên gọi khác: không; nơi sinh: Tại huyện VT, H. Nơi cư trú: Ấp VTh, xã VT, huyện V, tỉnh H; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn Ch và bà Hồ Thị Thanh T; vợ: Võ Bích Th, con có 03 người, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền sự: không; tiền án: không; Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 26/12/2021 đến ngày 29/12/2021 chuyển sang tạm giam cho đến nay.

Bị hại:

1. Võ Hoài H, sinh năm 1984 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp VTh, xã VT, huyện VT, tỉnh H.

2. Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1976 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp Khóm 12, phường LT, thị xã GR, tỉnh B.

3. Phạm Văn M, sinh năm 1984 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp 7, xã BT, huyện KS, tỉnh ST.

4. Lê Văn H, sinh năm 1973 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp TM C, xã BT, huyện PH, tỉnh H.

5. Lê Hữu Ph, sinh năm 1970 (có mặt).

Nơi cư trú: Khu vực BH, phường VT, thị xã LM, tỉnh H.

6. Võ Văn T, sinh năm 1952 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp VH, xã VT, huyện VT, tỉnh H.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ngô Văn H, sinh năm 1961 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp XT, xã VT, huyện VT, tỉnh H.

2. Nguyễn Văn D, sinh năm 1968 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp VH, xã V, huyện V, tỉnh H.

3. Nguyễn Văn B, sinh năm 1970 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp TQL, huyện PH, tỉnh H.

4. Lê Minh V, sinh năm 1984 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp TN2, xã TTT, huyện TĐ, tỉnh S.

5. Đinh Văn C, sinh năm 1963 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp VQ, xã VT, huyện VT, tỉnh H.

6. Lê Minh Nh, sinh năm 1980 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp TN, xã TB, huyện PH, tỉnh H.

7. Nguyễn Thị Ánh V, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Khóm 3, phường 1, thị xã NGN, tỉnh S.

8. Võ Bích Th, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp VQ, xã VT, huyện VT, tỉnh H.

9. Trần Việt Ph, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp HPB, thị trấn KC, huyện PH, tỉnh H.

10. Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp TL, xã HM, huyện PhH, tỉnh H.

11. Phạm Tuyết M, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp 4, xã HM, huyện PH, tỉnh H.

12. Hồ Thị Thanh T, sinh năm 1962 (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà T: Ông Đặng Văn Ch, sinh năm 1963

Cùng trú tại: Ấp VT, xã VT, huyện VT, tỉnh H.

13. Trương Ngọc C, sinh năm 1980 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp VQ, xã VT, huyện V, tỉnh H.

14. Nguyễn Thị Thu Ng, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp VQ xã VT, huyện VT, tỉnh H.

Người làm chứng:

1. Nguyễn Văn H, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Khóm 3, phường 1, thị xã NN, tỉnh S.

2. Võ Văn X, sinh năm 1982 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp 7, xã VTĐ, huyện LM, tỉnh H.

3. Nguyễn Thị M, sinh năm 1969 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp VT, xã VT, huyện VT, tỉnh H.

4. Hứa Văn S, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp VH, xã VT, huyện VT, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào đầu năm 2021, Công an huyện Vị Thủy tiếp nhận tin báo về tội phạm của quần chúng nhân dân và tiến hành xác minh đối tượng Đặng Quốc D, sinh năm: 1986; đăng ký thường trú: ấp VT, xã VT, huyện VT, tỉnh H đã có hành vi lấy tiền để đặt cọc lúa nhưng đến ngày cắt lúa và cung cấp lúa đối tượng D không cung cấp lúa mà có hành vi bỏ trốn khỏi địa phương.

Quá trình điều tra đã xác định: Trong khoảng thời gian từ cuối năm 2020 đầu năm 2021, Đặng Quốc D đã thực hiện nhiều vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản (với hình thức làm hợp đồng mua bán lúa) xảy ra trên địa bàn huyện Vị Thủy, huyện Châu Thành A và huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào ngày 24/11/2020 (nhằm ngày 09/10/2020 âm lịch), Đặng Quốc D có làm hợp đồng mua bán lúa với ông Võ Hoài H, với số lượng 120 công

giống lúa OM18, với giá sàng là 5.400 đồng/1 ký lúa. Do ông H không tin tưởng D có mua lúa của người dân nên ông H kêu D dẫn đến nhà hộ dân nào bán lúa ký tên vào danh sách bán lúa ông H mới tin tưởng, làm hợp đồng và đưa tiền cọc. Lúc này, D dẫn ông H cùng với Đinh Văn C; Nguyễn Thị M; Nguyễn Thị Thu Ng và Trương Ngọc Cần đến nhà ông Nguyễn Văn D, và ông Ngô Văn H1, trú tại: ấp Xuân Thọ, xã Vĩnh Tường, huyện Vị Thủy. Tại đây, D kêu ông D và ông H1 ký tên vào danh sách các hộ dân bán lúa cho D, do cứ nghĩ là D sẽ mua lúa và đưa tiền cọc nên ông D, ông H1 đã ký tên vào danh sách các hộ dân bán lúa. Lúc này, D và ông H ký kết hợp đồng và đưa tiền cọc cho D với số tiền: 60.000.000 đồng. Khi nhận tiền cọc D không đưa tiền cọc cho ông D và ông H1 và lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Khi gần đến ngày thu hoạch lúa, D có dẫn ông H ra cánh đồng phía sau nhà xem lúa và định ngày thu hoạch lúa. Đồng thời D cũng dẫn ông Nguyễn Văn B đến gặp trực tiếp các hộ dân ở ấp Xuân Thọ, xã Vĩnh Tường, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang để mua lúa và đưa tiền cọc (trong đó có hộ ông D và ông H1). Khi lúa thu hoạch ông D, ông H1 cùng các hộ dân khác đã bán lúa cho ông B không có bán lúa cho ông H, ông H liên hệ trực tiếp với D nhưng không được. Sau đó, có trả lại cho chị Nguyễn Thị Thu Ng số tiền 30.000.000 đồng (do Ng hùng vốn mua lúa với H) và D đã liên hệ với anh Lê Minh Nh, nhờ Nh mua lúa giao cho H dùm, Nh đã giao cho H khoảng 60 tấn lúa nhưng D không trừ tiền cọc mà chiếm đoạt số tiền 30.000.000 đồng và bỏ trốn khỏi địa phương.

Quá trình điều tra D khai nhận: Do vụ lúa trước, D có mua lúa của ông D và ông H1 nên D đã nhờ ông D và ông H1 ký tên vào danh sách các hộ dân bán lúa để ông H tin tưởng làm hợp đồng và đưa tiền cọc và lấy tiền tiêu xài cá nhân, chứ tại thời điểm làm hợp đồng D chưa có mua lúa hay đặt cọc gì cho ông D và ông H1. Ông D và ông H1 không có hưởng lợi nhuận gì từ việc ký tên vào danh sách bán lúa.

Vụ thứ hai: Ngày 19/01/2021 (nhằm ngày 07/12/2020 âm lịch), ông Nguyễn Hữu Đ có làm hợp đồng mua bán lúa với Đặng Quốc D, số lượng 150 tấn lúa dài thom 8, giá chết: 6.200 đồng/ký (vụ lúa đông xuân năm 2020-2021), ông Đ có đưa tiền cọc cho D, tại: quán nước thuộc ấp 2, xã Vĩnh Trung với số tiền 60.000.000 đồng, để đặt tiền cọc lúa cho người dân và thỏa thuận gần đến ngày thu hoạch lúa D sẽ dẫn ông Đ đi xem lúa và định ngày. Khi đến ngày, ông Đ liên lạc với D không được, D cũng không trả tiền lại cho ông Đ và bỏ trốn khỏi địa phương.

Quá trình điều tra D khai nhận: Do là ăn thu lỗ không còn khả năng chi trả, D đã làm hợp đồng mua bán lúa với ông Đ với giá lúa chết để đón giá lúa sục để ông Đ bỏ tiền cọc và không lấy lúa nhưng đến thu hoạch giá lúa lên cao, D không

có đặt cọc lúa của người dân nên không có lúa giao cho ông Đ, tiền cọc D đã tiêu xài hết không còn khả năng chi trả cho người bị hại.

Vụ thứ ba: Ngày 17/12/2020 (nhằm ngày 04/11/2020 âm lịch), ông Phạm Văn M, có làm hợp đồng mua bán lúa với D số lượng 227 công, với giá thị trường chênh lệnh 100 đồng giá (nếu giá thị trường 5.000 đồng/1 ký thì D bán cho ông M 4900 đồng/1 ký lúa), khi làm hợp đồng tại quán nước thuộc ấp VTh, xã VT, huyện V, tỉnh H, ông M có đưa tiền cọc cho D 02 lần tổng cộng 90.000.000 đồng (lần 1 khi làm hợp đồng ông M đưa 27 triệu đồng; lần 2: D lên nhà M lấy với số tiền: 63.000.000 đồng.

Quá trình điều tra D thừa nhận: Do làm ăn thu lỗ không còn khả năng chi trả nên đã làm hợp đồng mua bán lúa với ông M và nhận tiền cọc, D không có đi mua lúa hay đặt cọc lúa cho người dân mà lấy tiền tiêu xài cá nhân, không còn khả năng chi trả cho ông M.

Vụ thứ tư: Ngày 17/11/2020, ông Lê Văn H, có làm hợp đồng mua bán lúa với D tại quán nước Mỹ Loan thuộc ấp CX, xã TB, huyện PH, tỉnh H, với số lượng 245 công lúa OM18 và đưa tiền cọc cho D 03 lần với tổng số tiền: 121.700.000 đồng, khi làm hợp đồng, D nói cánh đồng lúa ở xã HM, xã BT D đã mua xong, ông T và ông H tin tưởng làm hợp đồng và đưa tiền cọc. Sau đó, D không giao lúa cho ông H và ông T, D có đưa tiền cọc với số tiền: 25.000.000 đồng để bà Phan Tuyết Minh, mua lúa cho D và D đã nhờ Minh trả lại cho ông T số tiền 25.000.000 đồng, còn lại số tiền: 96.700.000 đồng D chiếm đoạt không trả lại cho ông T và ông H.

Quá trình điều tra D khai nhận: Do làm ăn thu lỗ không còn khả năng chi trả nên đã làm hợp đồng mua bán lúa với ông H và ông T và nhận tiền cọc, D không có đi mua lúa hay đặt cọc lúa cho người dân mà lấy tiền tiêu xài cá nhân, không còn khả năng chi trả.

Vụ thứ năm: Ngày 06/02/2021, Đặng Quốc D có làm hợp đồng mua bán lúa với Nguyễn Thị Ánh V, với số lượng 120 công (Đài thơm 8 và OM18), với giá chét: 6.500 đồng/1 ký lúa, có sự chứng kiến của ông Lê Hữu Ph và Nguyễn Văn H. Khi làm hợp đồng tại quán nước ở đầu Kênh Hản thuộc ấp VH, xã VT, huyện V, tỉnh H, ông Ph là người trực tiếp đưa tiền cọc cho D với số tiền 48.000.000 đồng, địa điểm giao lúa ngang nhà của D, ông Ph có hỏi mượn D số tiền 5.000.000 đồng và thỏa thuận trừ vào số tiền cọc lúa. Khi đến ngày thu hoạch lúa, ông Ph trực tiếp liên lạc với D không được, D đã bỏ trốn khỏi địa phương và chiếm đoạt số tiền 43.000.000 đồng của ông Ph.

Quá trình điều tra D khai nhận: Do làm ăn thu lỗ không còn khả năng chi trả nên đã làm hợp đồng mua bán lúa với ông Ph và nhận tiền cọc, D không có đi mua lúa hay đặt cọc lúa cho người dân mà lấy tiền tiêu xài cá nhân, không còn khả năng

chi trả. Tổng số tiền Đặng Quốc D chiếm đoạt của các bị hại là: 319.700.000 đồng. Hiện Đặng Quốc D chưa khắc phục gì cho các bị hại.

Tại Cáo trạng số 24/CT-VKS-HVT ngày 31/5/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang truy tố bị cáo Đặng Quốc D về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Đặng Quốc D về tội danh và điều luật như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 329 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Đặng Quốc D phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Xử phạt bị cáo Đặng Quốc D mức án từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 26/12/2021. Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: đề nghị căn cứ Điều 46; 48 Bộ luật hình sự buộc bị cáo trả lại cho các bị hại số tiền đã chiếm đoạt.

Bị cáo không trình bày ý kiến tranh luận, xin giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không trình bày ý kiến tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc khởi tố, điều tra của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vị Thủy; việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, vắng mặt đối với: những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngô Văn H1, Nguyễn Văn D1, Nguyễn Văn B, Đinh Văn C, Nguyễn Thị Ánh V, Võ Bích Th, Trần Việt Ph, Nguyễn Văn Đ, Phạm Tuyết M, M Hồ Thị Thanh T; vắng mặt những người làm chứng Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị Thu Ng, Nguyễn Thị M, Hứa Văn S; Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, sự vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án chứng minh được: Do làm ăn thua lỗ trong việc mua bán lúa, Đặng Quốc D nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản từ trước bằng cách đưa ra thông tin gian dối để người D1 tin tưởng và ký kết hợp đồng mua bán lúa để nhận tiền cọc nhằm mục đích

chiếm đoạt tài. Để tạo lòng tin cho các bị hại ký kết hợp đồng Đặng Quốc D đã đưa ra thông tin gian dối cụ thể như sau:

[3] Vào ngày 24/11/2020 (nhằm ngày 09/10/2020 âm lịch), Đặng Quốc D có làm hợp đồng mua bán lúa với ông Võ Hoài H với số lượng 120 công giống lúa OM18, với giá sàn là 5.400 đồng/1 ký lúa. Để tạo lòng tin cho ông H đặt cọc, D đã dẫn ông H đến gặp các hộ ông D1 và ông H1 ở ấp Xuân Thọ, xã Vĩnh Tường, huyện Vị Thủy tỉnh Hậu Giang nhờ ông D1 ông H1 ký tên vào danh sách bán lúa và nhận tiền cọc từ ông H số tiền 60.000.000 đồng (trong đó có của Nguyễn Thị Thu Ng số tiền 30.000.000đồng). Quá trình điều tra chứng minh được: Tại thời điểm ký kết hợp đồng với ông H, D không có thỏa thuận mua bán lúa với ông D1 và ông H1. Việc D nhờ ông D1 ông H1 ký tên vào hợp đồng với tư cách các hộ dân bán lúa cho D là nhằm mục đích tạo niềm tin để ông H đưa tiền cọc cho D. Sau khi ký hợp đồng với ông H, D cũng không đặt cọc tiền cho các hộ dân theo như thỏa thuận trong hợp đồng. Đồng thời với việc ký hợp đồng với ông H, D đã thỏa thuận đặt cọc và mua bán lúa với ông Nguyễn Văn B để thu mua lúa trên diện tích đất lúa của ông D1, ông H1 và các hộ dân xung quanh.

[4] Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận thêm, do gần đến ngày thu hoạch không có lúa để giao, do bà Ng đòi lại tiền cọc nên D đã trả lại tiền cọc cho bà Ng 30.000.000 đồng. Đối với ông H đòi lúa, nên D sợ lộ chuyện bị xử lý, đồng thời nhờ ông Nh mua lúa khác để giao cho ông H được 60 tấn. Ông H đã trực tiếp thanh toán tiền này cho người dân, D không trừ lại số tiền cọc đã nhận cho ông H. Do đó, số tiền chiếm đoạt trong vụ án đối với ông H được xác định là 30.000.000 đồng.

[5] Bảng thủ đoạn đưa ra thông tin và danh sách các hộ dân mà D bao tiêu giống lúa và nói với các bị hại về việc D có thu mua lúa của các hộ dân đã bao tiêu để bị hại tin tưởng ký hợp đồng và đặt cọc. Bảng thủ đoạn nêu trên D đã chiếm đoạt tài sản của các bị hại như sau:

[6] Ngày 19/01/2021 (nhằm ngày 07/12/2020 âm lịch), ký hợp đồng mua bán lúa với ông Nguyễn Hữu Đ, số lượng 150 tấn lúa dài thơm 8, giá chét: 6.200 đồng/ký (vụ lúa đông xuân năm 2020-2021), chiếm đoạt số tiền đặt cọc 60.000.000 đồng.

[7] Ngày 17/12/2020 (nhằm ngày 04/11/2020 âm lịch), ký kết hợp đồng mua bán lúa với ông Phạm Văn M, số lượng 227 công, với giá thị trường trên lịch 100 đồng/giá (nếu giá thị trường 5.000 đồng/1 ký thì D bán cho ông M 4900 đồng/1 ký lúa), chiếm đoạt số tiền đặt cọc 90.000.000 đồng.

[8] Ngày 17/11/2020, ký kết hợp đồng mua bán lúa với ông Lê Văn H, ông Võ Văn T, với số lượng 245 công lúa OM18, chiếm đoạt số tiền đặt cọc là 121.700.000 đồng.

[9] Ngày 06/02/2021, ký kết hợp đồng mua bán lúa với ông Lê Hữu Ph, số lượng 120 công (Đài thơm 8 và OM18), với giá chét: 6.500 đồng/1 ký lúa, chiếm đoạt số tiền đặt cọc 48.000.000 đồng.

[10] Quá trình điều tra, D thừa nhận: Do làm ăn thu lỗ không còn khả năng chi trả nên đã làm hợp đồng mua bán lúa với ông M, ông T, ông H, ông Đ và nhận tiền cọc, khi làm hợp đồng D đều dùng thủ đoạn gian dối đưa ra thông tin đã thu mua lúa với các hộ dân có danh sách bao tiêu giống lúa. Thực chất D không có đặt cọc và không có thỏa thuận mua bán lúa với những người dân mà D đã bao tiêu. Đối chiếu với lời khai của ông Nguyễn Vũ Ph, xác định: giữa D và ông Ph có thỏa thuận thu mua lúa với các hộ dân bao tiêu giống, ông Ph tự thỏa thuận giá mua bán, còn D hưởng huê hồng là 20.000 đồng/tấn. Ông Ph tự đặt cọc với dân và tự thanh toán xong với người dân. Tiền bao tiêu giống cũng đã thanh toán xong cho D. Tại phiên tòa, D thừa nhận việc thỏa thuận bán lúa cho Nguyễn Vũ Ph trước, việc ký hợp đồng với các bị hại M, ông T, ông H, ông Đ diễn ra sau, cùng một danh sách bao tiêu giống và thỏa thuận bán lúa cho nhiều người chỉ nhằm mục đích tạo lòng tin để các bị hại ký tên trên hợp đồng nhằm mục đích để chiếm đoạt tài sản, lấy tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân, đến khi không có khả năng chi trả thì bỏ trốn.

[11] Về số tiền chiếm đoạt: Bị cáo thực hiện hành vi lừa đảo và thực hiện hoàn thành với số tiền tổng cộng của các bị hại là 324.700.000 đồng. Bị cáo đã tự nguyện trả lại cho các bị hại gồm Nguyễn Thị Thu Ng 30.000.000 đồng, Võ Văn T 25.000.000 đồng trước khi vụ án được phát hiện nên không tính vào số tiền đã chiếm đoạt. Đối với số tiền Lê Hữu Ph mượn 5.000.000 đồng trong ngày đặt cọc là giao dịch dân sự khác, nhưng cơ quan cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy đã khấu trừ số tiền này vào số tiền chiếm đoạt là chưa chính xác, phần này sẽ được xem xét khấu trừ trong phần trách nhiệm dân sự. Tuy số tiền chiếm đoạt Hội đồng xét xử tính có thay đổi, nhưng vẫn còn trong điều khoản mà Viện kiểm sát truy tố. Do đó, có căn cứ xác định Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy đã truy tố bị cáo Đặng Quốc D về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo điểm a khoản 3 Điều 174 là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[12] Về tính chất mức độ hành vi phạm tội: Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, gây hậu quả nghiêm trọng, hành vi của bị cáo đã gây mất an ninh, trật tự tại nhiều địa phương. Cần có mức án nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[13] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong vụ án này bị cáo thực hiện nhiều lần hành vi phạm tội, ở nhiều nơi, mỗi lần đều đủ định lượng để truy tố, nên ngoài việc bị cáo phải chịu mức hình phạt theo khung ở điểm a khoản 3 Điều

174 Bộ luật hình sự, bị cáo còn chịu tình tiết tăng nặng “*phạm tội từ hai lần trở lên*” theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[14] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Đặng Quốc D thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo có thiện chí khắc phục hậu quả thay cho bị cáo với số tiền 2.000.000 đồng (mà không có sự tác động từ phía bị cáo), tại phiên tòa bị cáo cũng có thiện chí khắc phục hậu quả, đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại, gia đình bị cáo đã có công với các mạng. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[15] Về trách nhiệm dân sự: Ông Võ Hoài H yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 30.000.000 đồng. Ông Nguyễn Hữu Đ yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 60.000.000 đồng. Ông Phạm Văn M yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 90.000.000 đồng. Ông Lê Hữu Ph đặt cọc số tiền 48.000.000 đồng, nhưng cần trừ tiền mượn 5.000.000 đồng, chỉ yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 43.000.000 đồng. Ông Võ Văn T, ông Lê Văn H yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 96.700.000 đồng. Trong đó, phần của ông T 35.000.000 đồng, nhưng ông T chỉ yêu cầu bị cáo trả 30.000.000 đồng; ông H yêu cầu bị cáo khắc phục số tiền 61.700.000 đồng. Bị cáo đồng ý với tất cả các yêu cầu của bị hại. Nên Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện giữa bị cáo và bị hại. Bị cáo có trách nhiệm trả cho các bị hại tổng số tiền là 314.700.000 đồng.

[16] Đối với ông Lê M Nh yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 52.500.000 đồng đã mượn. Bị cáo thừa nhận nợ và đồng ý trả nợ. Đây là giao dịch dân sự khác nên tách ra giải quyết thành vụ án dân sự, nếu sau này phát sinh tranh chấp ông Nh có quyền khởi kiện thành vụ án khác.

[17] Đối với ông Lê Minh V yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 30.000.000 đồng. Ông V cho rằng có thỏa thuận miệng về việc đặt cọc mua bán lúa với D nhưng D không thừa nhận, cho rằng đây là tiền mượn. Việc thỏa thuận không có lập thành văn bản. Tại phiên tòa, ông V cho rằng việc thỏa thuận có anh Châu chứng kiến, nhưng ông V cũng không cung cấp được họ tên, nhân thân, địa chỉ để cơ quan tiến hành tố tụng làm việc. Do đó, không có cơ sở chứng minh có dấu hiệu tội phạm nên không giải quyết chung trong vụ án này. Tại phiên tòa, ông V trình bày ý kiến, không có yêu cầu xử lý hình sự đối với D, chỉ yêu cầu D trả lại số tiền 30.000.000 đồng, D cũng đồng ý. Trong trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp, ông V có quyền khởi kiện dân sự khác.

[18] Đối với ông D1 và ông H1 có ký tên vào hợp đồng mua bán lúa để Hận tin tưởng giao tiền cho D. Khi ký tên vào hợp đồng bản thân ông D1 và H1 không có hưởng lợi gì, và tin tưởng D sẽ đặt cọc mua lúa của ông D1 và H1 mới ký tên nên hành vi của ông D1, ông H1 không có dấu hiệu đồng phạm. Từ những phân

tích nêu trên xét thấy đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[19] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 15.635.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (314.700.000 đồng – 2.000.000 đồng) x 5% = 15.635.000 đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 38; điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2, Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung 2017; Điều 136; Điều 291, Điều 292, Điều 329, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên bố: Bị cáo Đặng Quốc D phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Xử phạt bị cáo Đặng Quốc D mức án 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/12/2021. Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và các bị hại. Theo đó, bị cáo Đặng Quốc D có trách nhiệm trả cho các bị hại tổng số tiền là 314.700.000 đồng (ba trăm mười bốn triệu bảy trăm nghìn đồng). Trong đó, bị cáo có trách nhiệm trả cho: Ông Võ Hoài H số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng). Ông Nguyễn Hữu Đ số tiền 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng). Ông Phạm Văn M số tiền 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng). Ông Võ Văn T số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng). Ông Lê Văn H số tiền 61.700.000 đồng (sáu mươi một triệu bảy trăm nghìn đồng). Ông Lê Hữu Ph số tiền 43.000.000 đồng (bốn mươi ba triệu đồng). Bị cáo được khấu trừ số tiền 2.000.000 đồng do bà Hồ Thị Thanh T đã nộp theo biên lai số 0001270 ngày 22/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang trong quá trình thi hành án.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Buộc bị cáo Đặng Quốc D phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 15.635.000 đồng (mười lăm triệu sáu trăm ba mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo là 15 (mười lăm) ngày được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang (1b);
- VKSND tỉnh Hậu Giang (1b);
- Sở TP tỉnh HG (1b);
- VKSND H.Vị Thủy (1b);
- Công an H.Vị Thủy (1b);
- CCTHADS H.Vị Thủy (1b);
- Người tham gia tố tụng (4b);
- Lưu HSVA; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Lê Thị Diệu

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang (1b);
- VKSND tỉnh Hậu Giang (1b);
- Sở TP tỉnh HG (1b);
- VKSND H.Vị Thủy (1b);
- Công an H.Vị Thủy (1b);
- CCTHADS H.Vị Thủy (1b);
- Người tham gia tố tụng (4b);
- Lưu HSVA; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Diệu